

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 31
Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Cháo cua đồng mướp hương, nấm đùi gà, mồng tơi, hành phi
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Trứng vịt chiên thịt bò, đậu cove, hành tây, hành lá, ngò rí
- Canh rau cải dúng nấu tôm tươi, nấm bào ngư
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Nui xoắn xào thịt heo, cà rốt, giá, hẹ lá, cải thảo, hành lá
NT nhóm 2: Cháo thịt heo, cà rốt, cải thảo

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	3,140	9,420
2	0494	Đường cát	300	3,880	11,640
3	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,400	8,800
5	0004	Gạo tẻ máy	1,800	2,560	46,080
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	6,300	3,150
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	0002	Gạo nếp (loại thường)	200	3,050	6,100
9	0163	Rau mồng tơi	100	4,520	4,520
10	0136	Mướp	200	3,990	7,980
11	0635	Nấm đùi gà	100	9,560	9,560
12	0407	Cua đồng	500	19,430	97,150
13	0052	Đậu cô ve (hạt)	100	5,990	5,990
14	0121	Hành tây	100	3,570	3,570
15	0443	Trứng vịt	1,000	6,750	67,500
16	0286	Thịt bò loại II	800	36,750	294,000
17	0716	Cải dún (nhúng)	700	5,990	41,930
18	0424	Tôm sú	400	30,980	123,920
19	N0778	Nấm bào ngư	100	12,920	12,920
20	N0770	Thịt nạc dăm	500	18,590	92,950
21	0750	Nui	500	4,620	23,100
22	0089	Cà rốt	100	5,780	5,780
23	0191	Cải thảo	100	5,460	5,460
24	0118	Giá đậu xanh	100	2,730	2,730

25	0124	Hệ lá	50	5,570	2,785
26	0455	Sữa chua	1,550	9,440	146,320
27	0457	Sữa bột toàn phần	525.6	20,500	107,748
Tổng cộng					1,146,993

Tổng tiền thực phẩm	1,146,993
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,147,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	7
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	4,329,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	4,328,993

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan